

QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 867/ĐĐBQH

Tây Ninh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

V/v thông báo kết quả trả lời
kiến nghị của cử tri sau Kỳ họp thứ 6,
Quốc hội khóa XV

Kính gửi: Thanh tra tỉnh.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh nhận được Báo cáo số 565/BC-TTCTP ngày 01/4/2024 của Thanh tra Chính phủ về kết quả giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri gửi sau Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV.

Kiến nghị trên do Thanh tra tỉnh kiến nghị tại Công văn số 906/TTr-VP ngày 27/10/2023 về việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật hiện hành liên quan đến lĩnh vực thanh tra. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh thông tin các nội dung trả lời đến Thanh tra tỉnh biết, cụ thể như sau:

1. Khoản 3 Điều 59 Luật Thanh tra năm 2022 quy định “quyết định thanh tra phải được gửi đến đối tượng thanh tra và công bố chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thanh tra trực tiếp” là mâu thuẫn với khoản 11 Điều 1 và khoản 2 Điều 49 Luật Thanh tra năm 2022 quy định thời hạn thanh tra trực tiếp là tính từ thời điểm công bố quyết định thanh tra đến khi kết thúc thanh tra trực tiếp.

Kiến nghị Chính phủ nghiên cứu, khi trình Quốc hội sửa đổi đề nghị bỏ cụm từ “và công bố” tại khoản 3 Điều 59 Luật Thanh tra năm 2022 (Thanh tra tỉnh).

Trả lời:

Luật Thanh tra năm 2022 được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2022, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023, quá trình triển khai thi hành Luật có phát sinh một số vướng mắc, Thanh tra Chính phủ ghi nhận ý kiến của cử tri và sẽ tiếp tục tổng hợp các vướng mắc khác liên quan để tham mưu trình Chính phủ đề xuất sửa đổi Luật trong thời điểm phù hợp.

2. Quy định về quyền phong tỏa tài khoản đối tượng thanh tra theo Điều 90 Luật Thanh tra năm 2022 chưa quy định cụ thể trách nhiệm phối hợp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện phong tỏa tài khoản của đối tượng thanh tra. Hơn nữa, việc phong tỏa tài khoản đối tượng thanh tra là công tác phải thực hiện diện rộng toàn quốc do đối tượng thanh tra có thể mở tài khoản tại các chi nhánh ngoài địa bàn cơ quan thanh tra, cần thiết phải

có sự phối hợp chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đến trụ sở chính của các tổ chức tín dụng mới đảm bảo rà soát đầy đủ thông tin mở tài khoản của đối tượng thanh tra, đảm bảo tính khả thi.

Kiến nghị Chính phủ nghiên cứu trình Quốc hội bổ sung quy định trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tăng tính pháp lý về trách nhiệm của tổ chức này trong phối hợp phong tỏa tài khoản của đối tượng thanh tra (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời:

Theo khoản 4 Điều 90 Luật Thanh tra năm 2022 “Tổ chức tín dụng nơi có tài khoản của đối tượng thanh tra có trách nhiệm thực hiện kịp thời, đầy đủ và báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu phong tỏa tài khoản”; khoản 1 Điều 44 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra “khi nhận được quyết định phong tỏa tài khoản của người có thẩm quyền, tổ chức tín dụng nơi đối tượng thanh tra có tài khoản có trách nhiệm thực hiện việc phong tỏa tài khoản theo quyết định phong tỏa tài khoản”. Theo đó, tổ chức tín dụng nơi có tài khoản của đối tượng thanh tra có trách nhiệm thực hiện phong tỏa kịp thời, khẩn trương theo quyết định phong tỏa tài khoản để tránh tài sản bị tẩu tán, việc quy định tổ chức tín dụng phải chờ chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ làm chậm trễ trong việc phong tỏa tài khoản.

Ngoài ra, trách nhiệm phối hợp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc cung cấp thông tin tài khoản của đối tượng thanh tra được áp dụng theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 “các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin tài khoản của đối tượng thanh tra tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về thanh tra do vậy, trong trường hợp việc phong tỏa tài khoản ở phạm vi rộng hoặc ngoài địa bàn cơ quan thanh tra có thể nắm bắt được, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin tài khoản của đối tượng thanh tra theo yêu cầu.

3. Hiện nay, Điều 102 đến Điều 106 Luật Thanh tra năm 2022, Điều 48 đến Điều 59 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ đã có quy định liên quan đến công tác thực hiện kết luận thanh tra; tuy nhiên trong quy định chuyển tiếp của 02 văn bản này không bãi bỏ Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; đồng thời, thực tế vẫn còn rất nhiều Nghị định, Thông tư áp dụng Luật Thanh tra năm 2010 vẫn chưa có quy định thay thế.

Kiến nghị Chính phủ bãi bỏ Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ nói riêng; rà soát bãi bỏ các Nghị định, Thông tư khác còn áp dụng theo Luật Thanh tra năm 2010 nói chung; sớm ban hành các văn bản thay thế đồng bộ với quy định Luật Thanh tra năm 2022 (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời

Theo Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, một trong các trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực là: “*Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực*”. Do đó, Luật Thanh tra năm 2010 hết hiệu lực thì Nghị định số 33/2015/NĐ-CP cũng đương nhiên hết hiệu lực do đây là văn bản quy định chi tiết Luật Thanh tra 2010 về việc thực hiện Kết luận thanh tra. Các nội dung về thực hiện Kết luận thanh tra đã được quy định trong Luật Thanh tra năm 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra và Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Hiện nay, Thanh tra Chính phủ đang xây dựng các thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Thanh tra, trong đó sẽ nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các quy định về thực hiện kết luận thanh tra nhằm đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong việc áp dụng Luật Thanh tra năm 2022.

4. Luật Thanh tra năm 2022 chưa có quy định cụ thể về việc sử dụng con dấu của người ra quyết định thanh tra, trưởng đoàn thanh tra trong quá trình tiến hành thanh tra; các trường hợp nào là cần thiết phải thực hiện thẩm định dự thảo kết luận thanh tra theo Điều 77 Luật Thanh tra năm 2022. Kiến nghị Chính phủ nghiên cứu trình Quốc hội bổ sung quy định hướng dẫn đối với các nội dung trên (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời

Hiện nay, Luật Thanh tra năm 2022 và các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành không quy định việc sử dụng con dấu của người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra trong quá trình tiến hành thanh tra. Do đó, trong quá trình tiến hành thanh tra người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra thực hiện việc ký, đóng dấu đối với các văn bản trong hoạt động thanh tra theo quy định chung của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và quy định về công tác văn thư. Đối với những văn bản thực hiện quyền trong hoạt động thanh tra cần thiết phải ký, đóng dấu thì Trưởng đoàn thanh tra trình người có thẩm quyền ký ban hành; đối với những văn bản không cần thiết phải đóng dấu thì Trưởng đoàn thanh

tra ký văn bản thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra theo quy định tại Điều 81 của Luật Thanh tra và các quy định khác có liên quan.

Đối với nội dung kiến nghị “các trường hợp nào là cần thiết phải thực hiện thẩm định dự thảo kết luận thanh tra theo Điều 77 Luật Thanh tra năm 2022” Thanh tra Chính phủ tiếp thu kiến nghị của cử tri để tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hoạt động thanh tra.

5. Luật Thanh tra năm 2022 và các văn bản hướng dẫn chưa dự liệu được trường hợp Thủ trưởng cơ quan Thanh tra có vợ hoặc chồng, bố, mẹ đẻ, con, anh, chị, em ruột là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, người phụ trách công tác tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra. Đây là trường hợp xung đột lợi ích quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ. Trong trường hợp Phó Chánh Thanh tra ký ban hành quyết định thanh tra và kết luận thanh tra thì về mặt pháp lý vẫn chỉ là ký thay, khả năng tác động ảnh hưởng vẫn không thay đổi.

Kiến nghị Chính phủ nghiên cứu bổ sung quy định khi Thủ trưởng cơ quan thanh tra có vợ hoặc chồng, bố, mẹ đẻ, con, anh, chị, em ruột là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, người phụ trách công tác tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra thì Phó Chánh Thanh tra là người tổ chức tiến hành thanh tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời

Tại khoản 4, 5 Điều 60 Luật Thanh tra năm 2022 quy định về xung đột lợi ích khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết điều này. Tại các Điều 26, 27, 28, 29 Nghị định số 43/2023/ND-CP ngày 30/6/2023 quy định biện pháp thi hành Luật Thanh tra quy định cụ thể về trách nhiệm của người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, các trường hợp không được tham gia Đoàn thanh tra nhằm đảm bảo không có xung đột lợi ích trong hoạt động thanh tra.

6. Quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 bất cập với quy định tại điểm b khoản 1, điểm e khoản 2 Điều 39 Quy định số 69-QĐ/TW ngày 6/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Cụ thể, Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 chỉ đưa ra duy nhất một trường hợp là “*không trung thực*”, trong khi Quy định số 69-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương lại đưa ra hai trường hợp là “*thực hiện không đúng, không đầy đủ quy định về kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập*” và “*không trung thực*” với hai mức độ xử lý khác nhau. Mặt khác, khái niệm “*không trung*

thực” trong Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 không được quy định cụ thể và qua kiến nghị vẫn chưa được xem xét, hướng dẫn cụ thể.

Kiến nghị Chính phủ bổ sung giải thích “không trung thực” tại khoản 3 Điều 51 Luật Phòng chống tham nhũng; đồng thời đồng bộ với chế tài xử lý hành vi vi phạm quy định trong kê khai, giải trình tài sản thu nhập giữa Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 với Quy định số 69-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời

Kiểm soát tài sản, thu nhập là một trong những thành phần quan trọng trong xây dựng các giải pháp tổng thể phòng, chống tham nhũng. Bên cạnh đó, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn còn là một trong những công cụ quan trọng góp phần tăng cường tính minh bạch của bộ máy nhà nước, sự liêm chính của cán bộ, công chức, người có chức vụ, quyền hạn; đồng thời, qua đó cũng giúp cơ quan quản lý nhà nước giám sát, phòng ngừa các hành vi sai trái của cán bộ, công chức, ngăn chặn, làm giảm thiểu nguy cơ làm giàu bất chính... Dựa trên những quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020, các địa phương trên cả nước đã triển khai công tác kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định.

Nhằm xử lý các hành vi vi phạm trong kê khai tài sản, thu nhập, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều quy định, cụ thể như Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; các quy định tại Luật PCTN năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong đó, Quy định số 69-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (Quy định 69) đã quy định rõ, cụ thể từng mức độ sai phạm của Đảng viên trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập:

- Tại Khoản 1, Điều 39 quy định rõ đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cụ thể là: Không chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, đôn đốc thực hiện quy định về kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập... hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ quy định... Quy định này có nội hàm mở rộng, rõ nghĩa đối với trường hợp có vi phạm trong chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, đôn đốc và có thực hiện nhưng chưa đúng, chưa đầy đủ, nhằm thắt chặt hơn trách nhiệm của đảng viên trong công tác kiểm soát TSTN.

- Tại Khoản 2, Điều 39 Quy định số 69 quy định rõ đảng viên bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức nếu “Kê khai tài sản, giải trình biên

động tài sản, nguồn gốc tài sản, thu nhập không trung thực”. Quy định này hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật PCTN năm 2018.

Do đó, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc, đồng thời Quy định số 69-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Luật PCTN năm 2018.

7. Việc chuyển đổi vị trí công tác các trường hợp đặc biệt chỉ có duy nhất một người có chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn vị trí việc làm theo khoản 3 Điều 25 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 chưa dự liệu được những trường hợp công tác xa nhà nhưng không bố trí được nhà công vụ cho cán bộ, công chức;... (thường là ở cấp xã), chức danh giống nhau nhưng đặc thù chuyên môn khác nhau (thường là ở cấp tỉnh), biến động nhân sự ngành Thanh tra (thường là ở Thanh tra sở, Thanh tra cấp huyện) đã và đang là vấn đề nan giải trong nhiều năm, đã được kiến nghị xem xét điều chỉnh, hướng dẫn nhiều lần nhưng chưa được giải quyết.

Mặt khác, xét theo góc độ khoa học hành chính, bộ máy Nhà nước của Việt Nam trước đây áp dụng mô hình chức nghiệp nên việc chuyển đổi vị trí công tác dễ thực hiện. Tuy nhiên, trong những năm gần đây đang chuyển dần sang mô hình việc làm (*cụ thể là xây dựng bảng mô tả vị trí việc làm*) nên tính chuyên môn hóa cao hơn, từ đó dẫn đến việc thực hiện quy định chuyển đổi vị trí khó khăn hơn.

Do đó, kiến nghị Chính phủ hướng dẫn cụ thể cách thức xử lý các trường hợp nêu trên theo đúng quy định pháp luật; chỉ đạo xem xét xây dựng chính sách nhà công vụ theo hướng mở rộng đối tượng để hỗ trợ cho các trường hợp công tác xa nhà do chuyển đổi công tác (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời

Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã và đang đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, từng bước đẩy mạnh với nhiều chủ trương, giải pháp đột phá, đi vào chiều sâu, phần nào đã kiểm soát tốt được tham nhũng. Dựa trên khung pháp lý về phòng, chống tham nhũng, có thể thấy các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được áp dụng khá phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, cụ thể là các giải pháp như: Giáo dục về phòng, chống tham nhũng; kiểm soát tài sản, thu nhập; kiểm soát xung đột lợi ích; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; công khai, minh bạch, v.v... Đặc biệt, công tác chuyển đổi vị trí công tác là một trong những giải pháp phòng ngừa tham nhũng được đánh giá là một trong những giải pháp được tiến hành một cách rộng rãi, chặt chẽ và bài bản, hiệu quả cao.

Tại Khoản 1 Điều 24 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định: “Cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền có trách nhiệm định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng. Việc luân

chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ”.

Qua đó có thể thấy, khác với mục đích của hoạt động luân chuyển là nhằm đào tạo, bồi dưỡng toàn diện cán bộ lãnh đạo, quản lý; hay mục đích của hoạt động điều động và biệt phái là nhằm thực hiện công việc, nhiệm vụ của cơ quan. Mục đích cốt lõi của chuyển đổi vị trí công tác, được ghi nhận trong pháp luật quốc tế cũng như pháp luật Việt Nam, là nhằm phòng ngừa tham nhũng. Chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện như là một biện pháp, giải pháp để phòng, chống tham nhũng; cụ thể là, tránh tình trạng một người làm quá lâu ở một vị trí, lợi dụng vị trí công tác, mối quan hệ quen biết trong công tác để thực hiện hành vi tham nhũng. Việc chuyển đổi vị trí công tác không những tạo môi trường, điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mà còn giúp họ tích lũy kinh nghiệm thực tế ở những vị trí công tác khác nhau. Mặc dù không thay đổi về vị trí việc làm cũng như chuyên môn, nhưng ở môi trường làm việc khác nhau, ở những địa phương khác nhau thì cách xử lý công việc cũng sẽ giúp cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao được kỹ năng xử lý công việc cũng như nhu cầu và ý thức nâng cao trình độ chuyên môn của bản thân mình hơn.

Ngoài ra, việc chuyển đổi vị trí công tác cũng góp phần điều chỉnh, tăng cường cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ cho các lĩnh vực quản lý, địa bàn cần thiết khi có yêu cầu (đặc biệt là các địa bàn biên giới, hải đảo, miền núi, vùng sâu, vùng xa...). Đây là biện pháp quan trọng để rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có điều kiện để tiếp cận và thông thạo nhiều lĩnh vực công việc ở nhiều vị trí khác nhau, có năng lực thực tiễn để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu. Qua đó, cũng là phương thức để bồi dưỡng cán bộ, giúp cơ quan, tổ chức công lựa chọn ra được nhân lực có năng lực thực sự, phẩm chất tốt, có ý thức trong công việc, nhiệm vụ của mình.

- Đối với kiến nghị của cử tri về việc "chỉ đạo xem xét xây dựng chính sách nhà công vụ theo hướng mở rộng đối tượng để hỗ trợ cho các trường hợp công tác xa nhà do chuyển đổi công tác", nội dung này nằm ngoài thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ. Thanh tra Chính phủ sẽ chuyển nội dung này tới Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng chỉ đạo các bộ, ngành nghiên cứu, xem xét, giải quyết.

8. Bộ Chỉ số tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng hằng năm theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ) vẫn còn được ban hành thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ nên sự quan tâm của các ngành, địa phương chưa cao.

Mặt khác, những tồn tại, hạn chế trong các tiêu chí đánh giá cũng như cách thức cung cấp hồ sơ, yếu tố cảm quan của người thẩm định, các tiêu chí đánh giá chưa đồng bộ và sát với thực tiễn, có thể diễn hình như sau:

+ Tiêu chí xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu để xảy ra tham nhũng yêu cầu trong năm phải có ít nhất 01 trường hợp kỷ luật thuộc các mức khiển trách, cảnh cáo, cách chức; chưa đánh giá được các trường hợp được miễn/giảm trách nhiệm, các trường hợp bị xử lý hình sự thay vì xử lý kỷ luật. Nếu không có thì mất điểm.

+ Tiêu chí phát hiện tham nhũng tính tỷ lệ phát hiện tham nhũng trên các hình thức kiểm soát hành chính (thanh tra, kiểm tra, giám sát) là chưa phù hợp; do không thể 100% các cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát đều có thể phát hiện tham nhũng.

+ Tiêu chí xử lý kỷ luật hành chính đối với tổ chức để xảy ra tham nhũng: Quy định pháp luật hiện hành không quy định việc xử lý kỷ luật hành chính với cơ quan, tổ chức; việc thay thế bằng kết quả xử lý mặt Đảng đối với tổ chức đảng để xảy ra tham nhũng là không khách quan, diễn hình như nhiều trường hợp tổ chức đảng có người tham nhũng nhưng do nhiều yếu tố dẫn đến tổ chức đảng không bị xử lý kỷ luật (*người tham nhũng không phải là Đảng viên; quan điểm chủ quan của cơ quan xử lý; tổ chức đảng là tập hợp Đảng viên, quần chúng của nhiều cơ quan nên công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sâu sát về khách quan; v.v*); trong khi đó cơ quan Thanh tra hay chính UBND cấp có thẩm quyền cũng không có quyền can thiệp, góp ý thẩm quyền xử lý kỷ luật Đảng.

+ Ngoài ra, Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 vừa rồi còn tồn tại một số vướng mắc như: (1) Tiêu chí mang tính chất “chỉ tiêu”, nếu không phát sinh thì không có điểm nhưng pháp luật không quy định (*như tiêu chí chỉ đạo xử lý tố cáo, phản ánh về tham nhũng; xử lý xung đột lợi ích, xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, phát hiện tham nhũng qua các hình thức kiểm soát hành chính, tài sản tham nhũng v.v*); (2) Chỉ tiêu không được công bố, yêu cầu về mặt số lượng nhưng đến khi đánh giá thì mới có yêu cầu (*tiêu chí thanh, kiểm tra việc thực hiện pháp luật phòng chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước yêu cầu phải thực hiện đủ 04 cuộc/năm; trong khi lẽ ra phải có chỉ đạo ngay từ đầu năm 2022*) cần được xem lại.

Do đó, kiến nghị Chính phủ xem xét, ban hành Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng chống tham nhũng thuộc thẩm quyền của Chính phủ để tăng cường trách nhiệm của Ban ngành, địa phương (*tương tự các chỉ số PCI, PAPI, v.v*); xem xét

hoàn thiện nội dung tiêu chí đánh giá của Bộ Chỉ số để phản ánh đúng thực tiễn của Bộ ngành, địa phương và phù hợp với quy định pháp luật (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời

Tại Điều 16, Luật PCTN giao Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về công tác PCTN trong phạm vi cả nước, trong đó có nội dung đánh giá về công tác PCTN; tại Điều 17 Luật PCTN năm 2018 quy định các tiêu chí đánh giá về công tác PCTN và giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung này. Trên cơ sở đó, ngày 01/7/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN, trong đó Chính phủ giao Thanh tra Chính phủ tổ chức đánh giá về công tác PCTN hằng năm (tại Điều 21).

Căn cứ quy định hiện hành nêu trên, hàng năm, Thanh tra Chính phủ xây dựng Kế hoạch, Ban hành Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN và hướng dẫn địa phương triển khai công tác đánh giá. Kết quả tự đánh giá của địa phương được Thanh tra Chính phủ rà soát, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Do đó, hiện nay công tác đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh hằng năm do Thanh tra Chính phủ thực hiện là đúng quy định của pháp luật về PCTN.

Thanh tra Chính phủ căn cứ chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC và cơ sở thực tế công tác PCTN, thường xuyên rà soát và điều chỉnh để Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN được hoàn thiện hơn, vừa bám sát chỉ đạo của Đảng, Nhà nước vừa đảm bảo phù hợp với thực tế và thuận lợi trong quá trình đánh giá. Thanh tra Chính phủ ghi nhận kiến nghị của cử tri đối với một số nội dung bất cập của tiêu chí đánh giá trong Bộ chỉ số năm 2022 để nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số trong thời gian tới.

9. Công tác phòng, chống tham nhũng khu vực ngoài Nhà nước theo Điều 81, 82 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 cho đến nay vẫn còn là nội dung rất mới đối với các địa phương (*trừ những địa phương lớn là trung tâm kinh tế - chính trị - xã hội như Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Hà Nội, v.v*) do khả năng xảy ra vấn đề hầu như rất ít. Ngoài ra, thẩm quyền của Thanh tra tỉnh phải tổ chức thanh tra đối với các công ty đại chúng, tổ chức tín dụng thuộc phạm vi kiểm soát đang bị ràng buộc bởi Điều 58 và điểm a khoản 3 Điều 59 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ, cụ thể điều kiện tiên quyết để có thể thanh tra với các tổ chức này chính là “*Có dấu hiệu thực hiện không đúng quy định về các biện pháp phòng ngừa tham nhũng*” hoặc “*Yêu cầu của việc giải quyết phản ánh, tố cáo về hành vi vi phạm trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng*”; trên thực tế rất khó để đảm bảo điều kiện này (*trừ cấp Bộ, ngành tiếp cận nhiều thông tin và có sẵn nguồn lực chuyên trách*). Thanh tra tỉnh chỉ có thể tổ chức kiểm tra thường xuyên do chưa có cơ chế ràng buộc cụ thể; nếu

không có cơ sở nêu trên mà tiến hành thanh tra thì có thể sẽ bị các tổ chức này khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính, làm ảnh hưởng đến uy tín địa phương, ngành Thanh tra cũng như tạo dư luận không tốt về việc gây khó khăn, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của các công ty đại chúng và tổ chức tín dụng.

Kiến nghị Chính phủ xem xét, tham mưu bổ sung quy định nhằm pháp lý hóa thẩm quyền kiểm tra của Thanh tra tỉnh nói riêng, các cơ quan thanh tra có thẩm quyền kiểm soát công tác phòng chống tham nhũng tại các tổ chức ngoài Nhà nước nói chung. Đồng thời, kiến nghị Chính phủ chỉ đạo tổ chức tập huấn chuyên đề riêng đối với công tác này để hướng dẫn chuyên sâu cho thanh tra các địa phương thực hiện có chất lượng, hiệu quả (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời

Theo quy định tại Điều 58, Điều 59 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP và Điều 80 Điều 81 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Thanh tra tỉnh chỉ tiến hành thanh tra đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước khi có dấu hiệu rõ ràng về việc vi phạm trong áp dụng các biện pháp phòng, chống tham nhũng gồm: (i) Nguyên tắc công khai, minh bạch, nội dung công khai, minh bạch, hình thức công khai, trách nhiệm thực hiện việc công khai, minh bạch; (ii) Kiểm soát xung đột lợi ích; (iii) Trách nhiệm, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu.

Căn cứ ra quyết định thanh tra gồm: (i) Có dấu hiệu thực hiện không đúng quy định về các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, bao gồm: không ban hành quy định; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các biện pháp theo quy định; có thực hiện nhưng không kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định; (ii) Yêu cầu của việc giải quyết phản ánh, tố cáo về hành vi vi phạm trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng (được quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Phòng, chống tham nhũng).

Như vậy, căn cứ và nội dung thanh tra đã được quy định cụ thể, rõ ràng tại Luật PCTN và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP. Ngoài những nội dung nêu trên, Thanh tra tỉnh không có thẩm quyền tiến hành thanh tra hoặc kiểm tra đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

10. Quy định xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng:

+ Khoản 1 Điều 80 Luật Cán bộ, công chức, khoản 1 Điều 53 Luật Viên chức quy định thời hiệu xử lý kỷ luật “*được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm*”, như vậy “*thời điểm có hành vi vi phạm*” của lãnh đạo cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng chính là “*thời điểm phát sinh hành vi tham nhũng*”. Do đó, với quy định trên thì việc xử lý kỷ luật trách nhiệm để xảy ra tham nhũng đã phát sinh

vướng mắc đối với các vụ án phức tạp, kéo dài nhiều năm mới có kết quả xét xử; từ đó dẫn đến không thể xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Kiến nghị Chính phủ xem xét có quy định áp dụng việc không tính thời hiệu xử lý kỷ luật trong trường hợp xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng để góp phần tăng cường vai trò, trách nhiệm các cấp lãnh đạo, quản lý trong chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống tham nhũng tại cơ quan, đơn vị mình (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời

- Hiện nay, khoản 1 Điều 80 Luật Cán bộ, công chức 2008, được sửa đổi bởi khoản 16 Điều 1 Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức sửa đổi 2019 có quy định thời hiệu xử lý kỷ luật cán bộ như sau:

(i) 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách;

(ii) 05 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại khoản (i) nêu trên.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Luật Cán bộ, công chức 2008 được sửa đổi bởi khoản 16 Điều 1 Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức sửa đổi 2019, có một số trường hợp không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ như sau:

- Cán bộ là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ;

- Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ;

- Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại;

- Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

- Đối với kiến nghị Chính phủ “xem xét có quy định áp dụng việc không tính thời hiệu xử lý kỷ luật trong trường hợp xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng” hiện nay chưa có trong quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, việc bổ sung nội dung nói trên có thể góp phần nâng cao tính răn đe trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Do đó, Thanh tra Chính phủ xin tiếp thu và nghiên cứu trong quá trình tham mưu hoàn thiện pháp luật về phòng chống tham nhũng tiêu cực thời gian tới.

11. Về hình thức kỷ luật người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu để xảy ra tham nhũng tại Điều 76, 78 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ tồn tại 02 vướng mắc như sau:

+ Nguyên tắc áp dụng mức xử lý kỷ luật trách nhiệm lãnh đạo theo Điều 76, 78 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ là căn cứ theo mức án (*ví dụ: Khiển trách khi xảy ra vụ án tham nhũng ít nghiêm trọng; Cảnh cáo khi xảy ra vụ án tham nhũng nghiêm trọng; Cách chức khi xảy ra vụ án tham nhũng rất nghiêm trọng trở lên*) là chưa dự liệu được trường hợp người tham nhũng được xét xử “*hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng*” theo khoản 1 Điều 54 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ nhưng chỉ liên quan đến bị cáo, không mang ý nghĩa giảm nhẹ trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan để xảy ra tham nhũng (*ví dụ như người tham nhũng hoặc gia đình có công với cách mạng; lập công chuộc tội; đang mang thai; thành khẩn khai báo; tỰ thú v.v*). Do đó, nếu chỉ căn cứ vào mức án theo Điều 76, 78 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ là còn chưa chặt chẽ.

+ Trường hợp hành vi tham nhũng xảy ra trong nhiều giai đoạn lãnh đạo khác nhau nhưng không bị phát hiện, mức độ nghiêm trọng từng giai đoạn là ít nghiêm trọng nhưng đến khi phát hiện thì tổng giá trị vi phạm đến mức nghiêm trọng cao hơn (*ví dụ: Ông A có hành vi nhận hối lộ trong 03 giai đoạn ông B, ông C, ông D làm Thủ trưởng, mỗi giai đoạn 25 triệu đồng. Đến giai đoạn ông D làm Thủ trưởng thì hành vi ông A bị phát hiện và xử lý với mức án 05 năm tù - án nghiêm trọng*). Như vậy, nếu chỉ áp dụng theo Điều 76, 78 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ để xử lý mức độ Cảnh cáo thì không hợp lý, còn xử lý mức độ Khiển trách thì không có quy định.

Kiến nghị Chính phủ có giải pháp thống nhất với Tòa án nhân dân tối cao trong việc xác định tính chất nguy hiểm và nghiêm trọng của hành vi tham nhũng khi chưa bao gồm các tình tiết giảm nhẹ trong Bản án để làm cơ sở xác định trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu để xảy ra tham nhũng (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời

Tại Điều 76, 78 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về “Căn cứ xác định trách nhiệm” và “Áp dụng hình thức kỷ luật” trên cơ sở nội dung của kết luận bản án do Tòa án nhân dân ban hành. Vì trong quá trình xét xử, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ được Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét và đưa ra phán quyết cuối cùng. Quy định tại Điều 76, Điều 78 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ không điều chỉnh quá trình tố tụng hoặc xét xử của Tòa án nhân

dân các cấp. Do đó, trong quá trình thực hiện, căn cứ mức án áp dụng theo bản án của Tòa án nhân dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành hình thức kỷ luật người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu để xảy ra tham nhũng.

12. Trong quá trình thực hiện kết luận thanh tra, quy định hiện hành chưa dự liệu được trường hợp đối tượng thanh tra/đối tượng có liên quan là doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành kiến nghị trong kết luận thanh tra không hoạt động, không sản xuất kinh doanh trong thời gian dài nhưng không thực hiện thủ tục giải thể hoặc phá sản doanh nghiệp thì trên thực tế vẫn phải theo dõi thi hành; dẫn đến nhiều kết luận thanh tra bị kéo dài nhiều năm không thi hành được. Thực tiễn tại một số địa phương khác cho thấy đối tượng chủ doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất kinh doanh mà không bị ràng buộc bởi khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020; trong khi không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo kết luận thanh tra.

Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020, có giải pháp ràng buộc không cho phép các cá nhân chủ doanh nghiệp được thành lập doanh nghiệp mới nếu có hành vi vi phạm theo kết luận thanh tra, đang phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo kiến nghị của kết luận thanh tra nhưng không thi hành hoặc trì hoãn việc thi hành.

Kiến nghị Thanh tra Chính phủ cần quy định cơ chế cho phép cơ quan thanh tra gửi thông tin doanh nghiệp không thi hành kiến nghị trong kết luận thanh tra có hiệu lực pháp luật cho cơ quan thẩm quyền cấp phép thành lập doanh nghiệp để thực hiện nội dung nêu trên; nếu xác định lý do doanh nghiệp không hoạt động là để né tránh thi hành kết luận thanh tra thì có quyền kiến nghị cơ chế xử lý mạnh như thu hồi giấy phép kinh doanh, buộc thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp để cơ quan thanh tra có cơ sở kết thúc việc theo dõi thực hiện (*Thanh tra tỉnh*).

Trả lời

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra. Nghị định ra đời trên cơ sở kế thừa, phát huy những quy định trước đây vẫn còn phù hợp với thực tiễn và bổ sung những quy định mới phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, đảm bảo tính khả thi, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Một số điểm mới quy định tại Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023, trong đó về theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh

tra, cụ thể là: Việc theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra quy định tại khoản 2 Điều 53, trong đó hoạt động đôn đốc được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra. Theo đó, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 không quy định hoạt động đôn đốc tiến hành bằng hình thức làm việc trực tiếp với đối tượng đôn đốc như khoản 1 Điều 23 Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện kết luận thanh tra.

Do đó, cơ quan thanh tra có thể gửi thông tin doanh nghiệp không thi hành kiến nghị trong kết luận thanh tra có hiệu lực pháp luật cho cơ quan thẩm quyền cấp phép thành lập doanh nghiệp theo quy định.

Trên đây là các nội dung kiến nghị của Thanh tra tỉnh được Thanh tra Chính phủ trả lời, đề nghị đơn vị nghiên cứu, nếu nội dung trả lời chưa thỏa đáng, đơn vị tiếp tục có văn bản phản hồi đến Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh qua email: tayninh@quochoi.vn hoặc qua địa chỉ C300, CMT8, Phường 2, thành phố Tây Ninh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lâm Thị Kim Chi